



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 27 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

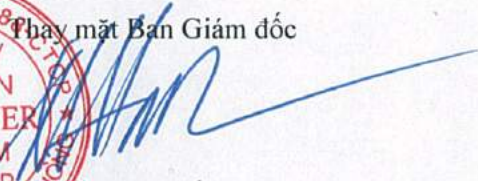
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 2 năm 2017



==
:0
|
IG
HỆ
PT
|
/ET
==



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 2 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-130-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		537.297.682.360	610.266.163.856
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	243.478.527.502	280.989.840.262
Tiền	111		49.590.527.502	30.597.340.262
Các khoản tương đương tiền	112		193.888.000.000	250.392.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	25.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.129.409.057	245.520.689.131
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	52.736.572.973	50.145.092.624
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.987.642.336	1.064.627.418
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	27.869.712.252	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	176.853.810.017	194.629.297.610
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
Hàng tồn kho	140	9	6.830.132.103	8.427.444.965
Hàng tồn kho	141		6.830.132.103	8.427.444.965
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.859.613.698	5.328.189.498
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	1.859.613.698	5.325.239.664
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	2.949.834

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		932.330.996.001	788.192.043.387
Các khoản phải thu dài hạn	210		75.445.001.691	92.019.333.333
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	75.445.001.691	92.019.333.333
Tài sản cố định	220		118.625.862.029	145.941.744.249
Tài sản cố định hữu hình	221	10	109.141.421.452	135.298.798.152
Nguyên giá	222		404.955.189.858	405.876.992.678
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.813.768.406)	(270.578.194.526)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.484.440.577	10.642.946.097
Nguyên giá	228		12.083.067.663	12.083.067.663
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.598.627.086)	(1.440.121.566)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.498.608.464	30.466.364
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	5.498.608.464	30.466.364
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	714.790.000.000	531.545.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		631.925.000.000	448.525.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		82.710.000.000	82.710.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	310.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		17.971.523.817	18.655.499.441
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.971.523.817	18.655.499.441
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.469.628.678.361	1.398.458.207.243

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)


Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		166.659.454.105	198.034.112.811
Nợ ngắn hạn	310		166.619.454.105	193.305.792.811
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	34.673.821.169	46.989.577.434
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.448.147.421	875.813.183
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	13.635.011.265	15.615.168.560
Phải trả người lao động	314		17.458.643.392	23.464.040.782
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		100.000.000	245.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	56.414.393.905	65.319.026.951
Vay ngắn hạn	320	17	4.831.480.000	4.868.640.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.982.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	38.057.956.953	31.946.525.901
Nợ dài hạn	330		40.000.000	4.728.320.000
Phải trả dài hạn khác	337		40.000.000	40.000.000
Vay dài hạn	338	17	-	4.688.320.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.302.969.224.256	1.200.424.094.432
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.302.969.224.256	1.200.424.094.432
Vốn cổ phần	411	20	455.571.420.000	414.160.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	20	455.571.420.000	414.160.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	595.470.662.363	537.161.063.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	215.785.250.647	212.960.720.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.144.050.187	(17.123.058.783)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		167.641.200.460	230.083.778.927
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.469.628.678.361	1.398.458.207.243

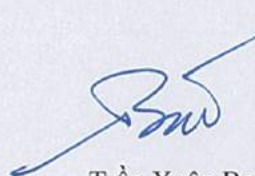
Ngày 17 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

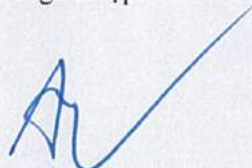
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	483.246.470.788	665.351.134.211
Giá vốn hàng bán	11	25	285.741.782.857	378.688.645.234
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		197.504.687.931	286.662.488.977
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	74.255.665.175	67.813.241.376
Chi phí tài chính	22	27	722.791.168	1.015.064.190
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		363.245.194	298.365.015
Chi phí bán hàng	25		50.181.919	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		17.161.917.540	18.869.533.866
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		253.825.462.479	334.591.132.297
Thu nhập khác	31		435.136.364	209.764.794
Chi phí khác	32		575.173	2.228.008.495
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		434.561.191	(2.018.243.701)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		254.260.023.670	332.572.888.596
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	40.536.681.210	60.548.067.669
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		213.723.342.460	272.024.820.927

Ngày 17 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	254.260.023.670	332.572.888.596
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	28.887.966.765	30.245.245.723
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(182.112.040)	(205.827.859)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(74.164.311.557)	(64.409.748.953)
Chi phí lãi vay	06	363.245.194	298.365.015
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	209.164.812.032	298.500.922.522
Biến động các khoản phải thu	09	69.539.735.064	68.306.644.500
Biến động hàng tồn kho	10	1.597.312.862	(2.531.534.147)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(31.888.004.559)	2.826.930.941
Biến động chi phí trả trước	12	683.975.624	5.114.681.312
		249.097.831.023	372.217.645.128
Tiền lãi vay đã trả	14	(363.245.194)	(374.879.232)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.610.700.297)	(63.347.614.065)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.468.575.800	1.225.604.626
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.093.597.584)	(19.684.284.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	192.498.863.748	290.036.472.197
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.040.226.645)	(15.500.677.273)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	433.636.364	13.672.545.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(21.000.000.000)	(112.315.000.000)
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	58.247.019.290	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(183.600.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	360.000.000	13.744.899.600
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	13.988.843.305	11.915.898.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.610.727.686)	(88.482.333.800)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	9.306.617.716
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.735.040.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(86.882.527.400)	(58.841.491.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(91.617.567.400)	(49.534.874.159)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(37.729.431.338)	152.019.264.238
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	280.989.840.262	128.764.748.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	218.118.578	205.827.859
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	243.478.527.502	280.989.840.262

Ngày 17 tháng 2 năm 2017

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Ngoài ra, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty còn nắm giữ quyền biểu quyết gián tiếp tại 1 công ty liên kết, Công ty TNHH Ngôi sao xanh Tương lai (“GFS”), thông qua Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (“GSL”), một công ty con của Công ty. Sau ngày 23 tháng 6 năm 2016, Công ty không còn nắm giữ quyền biểu quyết gián tiếp tại GFS do GSL đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại GFS.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 307 nhân viên (1/1/2016: 339 nhân viên).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.077.260.204	410.826.726
Tiền gửi ngân hàng	48.513.267.298	30.186.513.536
Các khoản tương đương tiền	193.888.000.000	250.392.500.000
	<hr/>	<hr/>
	243.478.527.502	280.989.840.262
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	70.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khách hàng là các bên liên quan		
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	2.324.707.741	456.626.860
Khách hàng là các bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	15.326.752.893	7.963.587.548
▪ Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	6.364.125.746	5.505.268.102
▪ Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	6.604.303.714	4.769.633.817
▪ Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2.123.117.365	308.361.563
▪ Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	1.739.402.739	1.599.076.806
▪ Công ty Cổ phần Transimex	1.594.353.308	377.954.819
▪ Công ty TNHH Heung-A Shipping Việt Nam	1.349.604.571	1.079.284.369
▪ Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	-	12.997.042.673
▪ Công ty TNHH OOCL Việt Nam	-	3.388.406.270
▪ Các khách hàng khác	15.310.204.896	11.699.849.797
	<hr/>	<hr/>
	52.736.572.973	50.145.092.624

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu về cho vay

	Ngắn hạn VND	31/12/2016 Dài hạn VND	Tổng cộng VND	1/1/2016 Dài hạn VND
Phải thu về cho vay từ:				
Các công ty con				
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (*)	23.890.433.308	62.164.350.038	86.054.783.346	90.000.000.000
▪ Khoản gốc cho vay	-	5.561.733.233	5.561.733.233	2.019.333.333
▪ Tiền lãi cho vay nhập gốc				
Công ty Cổ phần Container Miền Trung (**)	1.879.278.944	2.818.918.420	4.698.197.364	-
▪ Khoản gốc tiền cho vay				
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh (***)	2.100.000.000	4.900.000.000	7.000.000.000	-
▪ Khoản gốc tiền cho vay				
	27.869.712.252	75.445.001.691	103.314.713.943	92.019.333.333

(*) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất bảng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(**) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất bảng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(***) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất bảng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>		
Công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	136.516.049.750	157.640.035.386
▪ Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	24.131.373.162	22.631.373.162
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	10.923.215.936	12.971.338.065
▪ Công ty TNHH Tuyển T.S	-	103.738.758
	<hr/>	<hr/>
	171.570.638.848	193.346.485.371
Các khoản phải thu khác	5.283.171.169	1.282.812.239
	<hr/>	<hr/>
	176.853.810.017	194.629.297.610
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Giá gốc
Nguyên vật liệu	5.895.903.937	7.879.763.361
Công cụ và dụng cụ	1.152.000	2.162.590
Hàng hóa	933.076.166	545.519.014
	<hr/>	<hr/>
	6.830.132.103	8.427.444.965
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	155.503.110.307	7.606.926.972	241.269.462.970	1.497.492.429	405.876.992.678
Tăng trong năm	-	338.000.000	1.234.084.545	-	1.572.084.545
Thanh lý	(346.248.472)	-	(2.147.638.893)	-	(2.493.887.365)
Số dư cuối năm	155.156.861.835	7.944.926.972	240.355.908.622	1.497.492.429	404.955.189.858
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	108.073.510.701	4.730.636.968	156.368.093.480	1.405.953.377	270.578.194.526
Khấu hao trong năm	10.702.382.522	960.765.832	15.985.844.536	80.468.355	27.729.461.245
Thanh lý	(346.248.472)	-	(2.147.638.893)	-	(2.493.887.365)
Số dư cuối năm	118.429.644.751	5.691.402.800	170.206.299.123	1.486.421.732	295.813.768.406
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	47.429.599.606	2.876.290.004	84.901.369.490	91.539.052	135.298.798.152
Số dư cuối năm	36.727.217.084	2.253.524.172	70.149.609.499	11.070.697	109.141.421.452

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 151.555 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 125.770 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 35.082 triệu VND (1/1/2016: 41.273 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	5.355.027.273	6.728.040.390	12.083.067.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.440.121.566	1.440.121.566
Khấu hao trong năm	-	1.158.505.520	1.158.505.520
Số dư cuối năm	-	2.598.627.086	2.598.627.086
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	5.287.918.824	10.642.946.097
Số dư cuối năm	5.355.027.273	4.129.413.304	9.484.440.577

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	30.466.364	5.642.438.424
Tăng trong năm	5.468.142.100	7.458.498.182
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(7.308.498.182)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(5.761.972.060)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.498.608.464	30.466.364

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Xây dựng nhà kho số 3 tại Xí nghiệp Cảng Viconship	5.468.142.100	-
Các hạng mục khác	30.466.364	30.466.364
	<hr/>	<hr/>
	5.498.608.464	30.466.364

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	18.655.499.441
Tăng trong năm	21.263.612.471
Phân bổ trong năm	(21.947.588.095)
	<hr/>
Số dư cuối năm	17.971.523.817

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
<i>Người bán là các bên liên quan</i>		
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	2.435.331.939	3.029.003.166
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.408.643.706	3.435.026.537
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	1.487.893.000	1.935.022.925
▪ Công ty TNHH MTV Bến Xanh	421.161.920	1.298.909.233
	<hr/>	<hr/>
	5.753.030.565	9.697.961.861
Các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.199.292.781	15.850.750.680
	<hr/>	<hr/>
	11.952.323.346	25.548.712.541
<i>Người bán là các bên thứ ba</i>		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	6.677.459.340	11.006.744.137
▪ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.412.305.570	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	3.022.444.625	-
▪ Công ty Cổ phần Greating Fortune Container Việt Nam	2.313.688.745	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	857.018.250	3.223.038.850
▪ Các nhà cung cấp khác	6.438.581.293	7.211.081.906
	<hr/>	<hr/>
	34.673.821.169	46.989.577.434
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.325.239.664	22.932.348.558	(26.397.974.524)	1.859.613.698

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	42.669.946	30.249.892.584	(26.397.974.524)	(3.848.157.191)	46.430.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.494.877.821	40.536.681.210	-	(41.610.700.297)	10.420.858.734
Thuế thu nhập cá nhân	239.216.000	3.839.384.750	-	(3.688.811.595)	389.789.155
Các loại thuế khác	3.838.404.793	38.322.523.060	-	(39.382.995.292)	2.777.932.561
	15.615.168.560	112.948.481.604	(26.397.974.524)	(88.530.664.375)	13.635.011.265

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	4.426.447.079	11.608.399.426
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	30.000.000
▪ Công ty TNHH Tuyển T.S	-	200.000.000
	<hr/> 4.426.447.079	<hr/> 11.838.399.426
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>		
▪ Các khoản thu hộ hãng tàu	46.479.449.769	48.794.282.310
▪ Kinh phí công đoàn	3.234.587.525	3.800.783.913
▪ Cổ tức phải trả	708.937.025	618.280.425
▪ Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.564.972.507	267.280.877
	<hr/> 56.414.393.905	<hr/> 65.319.026.951
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

17. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay ngân hàng	USD	4%	2017	4.831.480.000	9.556.960.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(4.831.480.000)	(4.868.640.000)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	4.688.320.000
				<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản vay ngân hàng của Công ty được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 35.082 triệu VND (1/1/2016: 41.273 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	31.946.525.901	35.263.704.694
Trích lập trong năm	21.496.028.636	17.781.991.816
Sử dụng trong năm	(15.384.597.584)	(21.099.170.609)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	38.057.956.953	31.946.525.901

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	434.598.341.042	190.065.625.774	996.914.650.346
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	272.024.820.927	272.024.820.927
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	(102.223.212.241)	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(1.090.013.529)	10.396.631.245	-	-	9.306.617.716
Điều chuyển từ công ty con	-	-	-	339.509.759	-	339.509.759
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.781.991.816)	(17.781.991.816)
Cổ tức	68.745.010.000	-	-	-	(127.348.522.500)	(58.603.512.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.776.000.000)	(1.776.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2016	414.160.420.000	36.141.891.246	-	537.161.063.042	212.960.720.144	1.200.424.094.432
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	213.723.342.460	213.723.342.460
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	58.309.599.321	(58.309.599.321)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.496.028.636)	(21.496.028.636)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	41.411.000.000	-	-	-	(128.384.184.000)	(86.973.184.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.709.000.000)	(2.709.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	455.571.420.000	36.141.891.246	-	595.470.662.363	215.785.250.647	1.302.969.224.256

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức (Thuyết minh 21)	4.141.100	41.411.000.000	6.874.501	68.745.010.000
Số dư cuối năm	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Cổ tức

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2015 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 41.416 triệu VND.

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Ngày 20 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 4.141.100 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Ngày 29 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2016 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	3.260.944.800	3.260.944.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	13.043.779.200
Sau năm năm	26.336.376.612	29.606.255.507
	42.641.100.612	45.910.979.507

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.132.778	25.736.744.708	1.202.173	27.024.359.614

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	24.516.234.159	20.248.293.713
Doanh thu cung cấp dịch vụ	458.730.236.629	645.102.840.498
	<hr/>	<hr/>
	483.246.470.788	665.351.134.211

25. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	22.698.945.864	19.434.406.352
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	263.042.836.993	359.254.238.882
	<hr/>	<hr/>
	285.741.782.857	378.688.645.234

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	19.792.571.794	11.235.231.752
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng các khoản đầu tư	5.000.000	2.914.899.600
Cổ tức và lợi nhuận được chia	53.933.103.399	52.487.626.096
Lãi chênh lệch tỷ giá	524.989.982	1.175.483.928
	<hr/>	<hr/>
	74.255.665.175	67.813.241.376

27. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	363.245.194	298.365.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá	359.545.974	716.699.175
	<hr/>	<hr/>
	722.791.168	1.015.064.190

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	29.323.400.053	29.778.832.848
Chi phí nhân công	54.148.261.591	66.530.880.123
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.887.966.765	30.245.245.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.841.825.563	239.065.745.372
Chi phí khác	29.752.428.344	31.937.475.034

29. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	40.536.681.210	59.584.903.704
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	963.163.965
	40.536.681.210	60.548.067.669

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	254.260.023.670	332.572.888.596
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	50.852.004.734	73.166.035.491
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	-	(2.556.686.934)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	471.297.156	522.832.888
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(10.786.620.680)	(11.547.277.741)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	963.163.965
	40.536.681.210	60.548.067.669

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2016 (năm 2015: 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh cầu cảng số 2 thuộc Xí nghiệp Cảng Viconship và 22% trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.295.235.417	16.506.773.930
▪ Sử dụng dịch vụ	18.910.248.090	20.766.542.350
▪ Lợi nhuận được chia từ công ty con	6.968.928.739	3.964.783.773
▪ Cho vay	7.000.000.000	-
▪ Lãi cho vay	115.013.889	-
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
▪ Lợi nhuận được chia từ công ty con	3.965.000.000	4.827.512.517
▪ Tăng vốn góp	-	24.500.000.000
▪ Cho vay	6.000.000.000	-
▪ Nhận tiền trả gốc vay	1.301.802.636	-
▪ Lãi cho vay	185.905.059	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i>		
▪ Cung cấp dịch vụ	115.970.278	-
▪ Sử dụng dịch vụ	29.875.198	78.560.019
▪ Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	451.745.546
<i>Công ty TNHH Tuyển T.S (đã giải thể trong năm 2016)</i>		
▪ Cung cấp dịch vụ	-	461.468.455
▪ Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	121.451.085
<i>Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh</i>		
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.368.496.946	3.106.891.359
▪ Sử dụng dịch vụ	5.969.932.078	8.020.694.283
▪ Lợi nhuận được chia từ công ty con	8.925.320.644	14.581.465.043
<i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i>		
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.938.376.772	4.139.612.983
▪ Sử dụng dịch vụ	33.569.581.716	39.549.482.667
▪ Lợi nhuận được chia từ công ty con	28.849.954.016	25.840.668.132
<i>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</i>		
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	23.456.980.656	827.772.036
▪ Sử dụng dịch vụ	5.358.844.073	3.122.751.406
▪ Cho vay	8.000.000.000	90.000.000.000
▪ Nhận tiền trả gốc vay	11.945.216.654	-
▪ Lãi cho vay và lãi cho vay nhập gốc	12.837.104.496	2.019.333.333

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i>		
▪ Sử dụng dịch vụ	29.822.675.316	69.297.098.736
▪ Cổ tức được chia	3.523.900.000	-
Thành viên Ban Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	2.596.895.444	2.358.546.699
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
▪ Thù lao	2.709.000.000	1.776.000.000

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính


	2016 VND	2015 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	41.411.000.000	68.745.010.000
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Container Miền Trung thông qua đối trừ công nợ nội bộ	-	24.500.000.000
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	3.542.399.900	2.019.333.333

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Theo Nghị quyết số 01.2017/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 1 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty sẽ góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh, có địa chỉ tại Thành phố Hải Phòng, với vốn điều lệ 101 tỷ VND, trong đó Công ty sở hữu 66,33% vốn cổ phần.

Ngày 17 tháng 2 năm 2017

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc